TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/DS-ST
Ngày: 15-7-2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Ngân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Chính

Ông Hứa Trọng Nhơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Văn Gây là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2022/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (viết tắt Ngân hàng).

Trụ sở: 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Phan Văn C1 – Phó phòng - Phòng giao dịch Năm Căn (là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 16/3/2022), (xin vắng).

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn N, huyện N, tỉnh C.

Bị đơn: Ông Ngô Minh C2, sinh năm 1979 (vắng mặt) và bà Quách Tuyết L, sinh năm 1983 (vợ ông C2), (vắng mặt).

Cùng hộ khẩu thường trú: Khóm 2, thị trấn N, huyện N, tỉnh C.

Cùng cư trú: Khóm 8, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Tạ Minh C3, sinh năm 1972 (vắng mặt) và bà Quách Tuyết H, sinh năm 1977 (vợ ông C3), (vắng mặt).

Cùng cư trú: Ấp Ô, xã T, huyện N, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 16 tháng 3 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, người đại diện cho nguyên đơn trình bày yêu cầu:*

Ngày 29 tháng 01 năm 2021 vợ chồng ông Ngô Minh C2 và bà Quách Tuyết L lập giấy đề nghị vay vốn tại Ngân hàng để vay số tiền 230.000.000 đồng.

Đến ngày 02 tháng 02 năm 2021 vợ chồng ông C2, bà L cùng với bên bảo đảm là vợ chồng ông Tạ Minh C3 và bà Quách Tuyết H đã ký kết hợp đồng cho vay số 202125990304 với Tạ Minh C3. Ngày 03 tháng 02 năm 2021 Ngân hàng đã giải ngân cho ông C2 và bà L số tiền trên, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay vốn tiêu dùng, mua sắm vật dụng gia đình, lãi suất 11%/năm, áp dụng cho 03 tháng đầu. Kể từ tháng thứ 4 trở đi lãi suất của toàn bộ dư nợ vay điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần, lãi suất điều chỉnh bằng lãi suất tiền gửi Việt Nam đồng kỳ hạn 12 tháng lãnh lãi cuối kỳ của Sacombank cộng biên độ 5,7%/năm. Hạn trả ngày 03 tháng 02 năm 2022.

Để đảm bảo khoản vay trên vợ chồng ông C2, bà L đã ký kết hợp đồng thế chấp tài sản số 202102011654268 và bên bảo đảm là vợ chồng ông Tạ Minh C3, bà Quách Tuyết H đã ký kết hợp đồng thế chấp tài sản số 202102011654257 thế chấp cho Ngân hàng các tài sản sau:

+ Toàn bộ thửa đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại ấp K, xã T, huyện N, tỉnh C ., thửa số 68, tờ bản đồ số 28, diện tích 431,3m^2, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CE839343 số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS00125 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 06/12/2016, thay đổi nội dung pháp lý ngày 08/9/2017 chủ sở hữu là ông Ngô Minh C2, bà Quách Tuyết L.

+ Toàn bộ thửa đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại ấp K, xã T, huyện N, tỉnh C ., thửa số 67, tờ bản đồ số 28, diện tích 427,3m^2, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CE839342 số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS00124 do Sở Tài nguyên và

Môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 06/12/2016 chủ sở hữu là ông Tạ Minh C3, bà Quách Tuyết H.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bên sử dụng vốn vay là vợ chồng ông Ngô Minh C2 và bà Quách Tuyết L có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng số tiền vốn vay và lãi suất tính đến ngày 14/7/2022 là 249.237.774 đồng, trong đó vốn gốc: 230.000.000 đồng, lãi trong hạn: 13.338.738 đồng, lãi quá hạn: 5.899.036 đồng. Yêu cầu ông C2, bà L tiếp tục thanh toán lãi suất phát sinh sau ngày 14/7/2022 đến khi tất toán nợ.

Trường hợp vợ chồng ông C2, bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu phát mãi các tài sản thế chấp đã nêu trên để đảm bảo thu hồi nợ cho Ngân hàng.

** Đối với bị đơn vợ chồng ông Ngô Minh C2 và bà Quách Tuyết L đồng ý kiến trình bày:*

Vợ chồng ông C2 và bà L xác định lời trình bày của đại diện Tạ Minh C3 trình bày về thời điểm vay vốn, số tiền vay và lãi suất là đúng toàn bộ. Vợ chồng ông bà có vay vốn tại Tạ Minh C số tiền 230.000.000 đồng, khoản vay có bên bảo đảm là vợ chồng ông Tạ Minh C3, bà Quách Tuyết H ký bảo đảm.

Để đảm bảo khoản vay trên thì vợ chồng ông C2 và bà L cùng vợ chồng ông Tạ Minh C3, bà Quách Tuyết H đã ký kết hai hợp đồng thế chấp tài sản đúng như lời trình bày của đại diện Ngân hàng.

Quá trình vay vốn do khó khăn về kinh tế nên vợ chồng ông chưa thanh toán cho Ngân hàng số tiền trên.

Tại phiên hòa giải ngày 23 tháng 5 năm 2022 vợ chồng ông C2 và bà L đồng ý liên đới thanh toán nợ vay và lãi suất theo yêu cầu của Ngân hàng. Trường hợp vợ chồng ông không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì vợ chồng ông đồng ý phát mãi tài sản thế chấp cho Ngân hàng đối với toàn bộ thửa đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại ấp K, xã T, huyện N, tỉnh C . do vợ chồng ông đứng tên quyền sử dụng; Còn đối với thửa đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại ấp K, xã T, huyện N, tỉnh C . do vợ chồng ông Tạ Minh C3, bà Quách Tuyết H đứng tên quyền sử dụng thì vợ chồng ông không có ý kiến.

** Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông Tạ Minh C3 và bà Quách Tuyết H*:

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn theo quy định mà ông Tạ Minh C3 và bà Quách Tuyết H không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với vụ việc. Đồng thời, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo

về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông C3, bà H vẫn vắng mặt không lý do.

** Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Ngô Minh C2 và bà Quách Tuyết L thanh toán tiền vốn vay và lãi suất còn nợ theo Hợp đồng cho vay nên xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Ngô Minh C2 và bà Quách Tuyết L cư trú tại Khóm 8, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau nên theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là vợ chồng ông Ngô Minh C2, bà Quách Tuyết L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vợ chồng ông Tạ Minh C3, bà Quách Tuyết H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét hợp đồng cho vay tài sản:

Hợp đồng cho vay số 202125990304 ngày 02 tháng 02 năm 2021 được xác lập tại trụ sở Ngân hàng – Chi nhánh Năm Căn, việc xác lập hợp đồng là ý chí tự nguyện của các bên, chủ thể giao dịch có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội nên hợp đồng cho vay giữa Ngân hàng với bên vay là vợ chồng ông C2, bà L và bên bảo đảm là vợ chồng ông C2, bà H có hiệu lực từ thời điểm giao kết theo quy định tại Điều 401 của Bộ luật dân sự.

Nội dung hợp đồng cho vay ghi nhận ông C2, bà L có vay vốn số tiền 230.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, hạn trả vào ngày 03/2/2022, mục đích vay khi ký kết hợp đồng là vay vốn tiêu dùng, mua sắm vật dụng gia đình.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bên sử dụng vốn vay là ông C2, bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông C2, bà L liên đới thanh toán tổng số tiền vốn vay và lãi tính đến ngày 14/7/2022 là 249.237.774 đồng. Trong đó vốn gốc: 230.000.000 đồng, lãi trong hạn: 13.338.738 đồng, lãi quá hạn: 5.899.036 đồng và yêu cầu ông C2, bà L tiếp tục thanh toán lãi phát sinh kể từ sau ngày 14/7/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng cho vay.

Quá trình giải quyết vụ án vợ chồng ông C2, bà L đồng ý thanh toán nợ theo yêu cầu của Ngân hàng tuy nhiên phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vợ chồng ông Tạ Minh C3 và bà Quách Tuyết H vắng mặt, không tham gia các phiên làm việc tại Tòa án nên Tòa án không ghi nhận được sự thỏa thuận của các đương sự.

Xét thấy, việc ông C2, bà L không tất toán khoản vay và lãi suất cho Ngân hàng đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng nên Ngân hàng yêu cầu ông C2, bà L liên đới thanh toán nợ là có cơ sở được chấp nhận theo quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự, khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Buộc vợ chồng ông Ngô Minh C2 và bà Quách Tuyết L liên đới thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền vốn vay và lãi tính đến ngày 14/7/2022 là 249.237.774 đồng, trong đó vốn gốc 230.000.000 đồng, lãi trong hạn 13.338.738 đồng, lãi quá hạn 5.899.036 đồng.

Kể từ ngày 15/7/2022 ông C2, bà L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Đối với bên bảo đảm là vợ chồng ông Tạ Minh C3 và bà Quách Tuyết H, do Ngân hàng không yêu cầu ông C3, bà H thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là phù hợp với Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự *"Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó"*.

[2.2] Xét hợp đồng thế chấp tài sản và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Hợp đồng thế chấp tài sản số 202102011654268 ngày 02/02/2021 ký kết

giữa Ngân hàng với vợ chồng ông Ngô Minh C2, bà Quách Tuyết L và Hợp đồng thế chấp tài sản số 202102011654257 ngày 02/02/2021 ký kết giữa Ngân hàng với vợ chồng ông Tạ Minh C3 và bà Quách Tuyết H. Cả hai hợp đồng thế chấp này đều được xác lập tại Ủy ban nhân dân xã Tam Giang, được chứng thực đúng quy định và có đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Năm Căn nên được công nhận và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên theo quy định tại Điều 295, 317, 319, 501, 502 Bộ luật dân sự và Điều 188 Luật Đất đai.

Qua xem xét thẩm định thực tế, vị trí và tứ cận hai phần đất đã thế chấp cho Ngân hàng phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau đã cấp cho vợ chồng bà L, ông C2 và đã cấp cho vợ chồng ông C3, bà H, trên đất không có tài sản gì.

Căn cứ vào Hợp đồng thế chấp trên cùng với ý kiến của nguyên đơn, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, trong trường hợp vợ chồng ông C2, bà L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo quy định tại Điều 299, 301, 319, 323, 325 Bộ luật dân sự, tài sản thế chấp gồm:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại ấp K, xã T, huyện N, tỉnh C ., thửa số 68, tờ bản đồ số 28, diện tích 431,3m^2, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CE839343 số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS00125 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 06/12/2016, thay đổi nội dung pháp lý ngày 08/9/2017 chủ sở hữu là ông Ngô Minh C2, bà Quách Tuyết L.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại ấp K, xã T, huyện N, tỉnh C ., thửa số 67, tờ bản đồ số 28, diện tích 427,3m^2, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CE839342 số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS00124 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 06/12/2016, chủ sở hữu là ông Tạ Minh C3, bà Quách Tuyết H.

Ngoài ra, trường hợp ông C2, bà L trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng mà không phải xử lý tài sản thế chấp thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại cho ông C2, bà L giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông C2, bà L và trả lại cho ông C2, bà H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông C2, bà H và là phù hợp.

[3] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%. Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ nên ông Ngô Minh C2 và bà Quách Tuyết L

phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 12.462.000 đồng (tính tròn) theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 500.000 đồng, Ngân hàng đã nộp đủ và yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên ông Ngô Minh C2 và bà Quách Tuyết L phải thanh toán lại cho Ngân hàng.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 299, 301, 317, 319, 320, 323, 325, 463, 466, 468, 501, 502 Bộ luật dân sự; Điều 188 Luật Đất đai; Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín.

Buộc vợ chồng ông Ngô Minh C2 và bà Quách Tuyết L liên đới thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín tổng số tiền vốn vay và lãi tính đến ngày 14/7/2022 là 249.237.774 đồng, trong đó vốn gốc: 230.000.000 đồng, lãi trong hạn: 13.338.738 đồng, lãi quá hạn: 5.899.036 đồng.

Kể từ ngày 15/7/2022 ông C2, bà L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay

phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Trường hợp ông Ngô Minh C2 và bà Quách Tuyết L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp sau:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại ấp K, xã T, huyện N, tỉnh C ., thửa số 68, tờ bản đồ số 28, diện tích 431,3m^2, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CE839343 số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS00125 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 06/12/2016, thay đổi nội dung pháp lý ngày 08/9/2017 chủ sở hữu là ông Ngô Minh C2, bà Quách Tuyết L.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại ấp K, xã T, huyện N, tỉnh C ., thửa số 67, tờ bản đồ số 28, diện tích 427,3m^2, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CE839342 số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS00124 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 06/12/2016, chủ sở hữu là ông Tạ Minh C3, bà Quách Tuyết H.

Trường hợp ông C2, bà L trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng mà không phải xử lý tài sản thế chấp thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín có trách nhiệm trả lại cho ông C2, bà L giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Ngô Minh C2, bà Quách Tuyết L, đất thuộc thửa 68, tờ bản đồ số 28, diện tích 431,3m^2 tọa lạc ấp K, xã T, huyện N, tỉnh C và trả lại cho ông C3, bà H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Tạ Minh C3 và Quách Tuyết H, đất thuộc thửa 67, tờ bản đồ số 28, diện tích 427,3m^2, tọa lạc ấp K, xã T, huyện N, tỉnh C ..

2. Chi phí tố tụng: Buộc ông Ngô Minh C2 và bà Quách Tuyết L phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền chi phí tố tụng là 500.000 đồng.

Kể từ ngày Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông C2, bà L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%.

Ông Ngô Minh C2 và bà Quách Tuyết L phải chịu án phí với số tiền là: 12.462.000 đồng (tính tròn), nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn.

Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín được nhận lại toàn bộ số tiền 5.915.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015509 ngày 04 tháng 4 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Hồng Ngân